CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8

Ngày 31/03/2025	8,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**3.6%**	**30.0%**

DT thuần
Q1/25
9.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▼32.5| -77.9%
YoY: ▼10.1| -52.3%

LN thuần
Q1/25
0.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.38| -93.6%
YoY: ▼0.08| -76.3%

LN sau thuế
Q1/25
0.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.31| -93.7%
YoY: ▼0.05| -70.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
0.3%
YoY: +/-▼ 0.7%

ROE (TTM)
Q1/25
1.5%
YoY: +/-▼ 0.2%

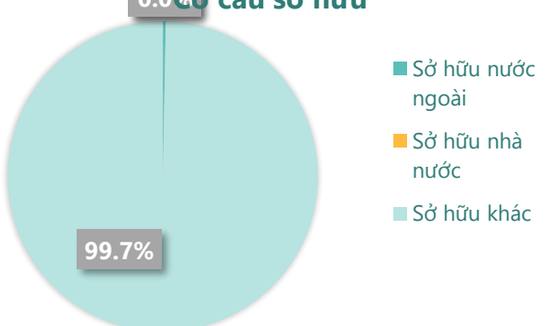
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,417 - 9,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	23
Số lượng CPLH (CP)	2,672,157
KLGD BQ 20 phiên (CP)	575
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	
EPS	155
P/E	55.6

DT thuần
2024
89.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.70| 1.9%

LN thuần
2024
0.65
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.06| 8.9%

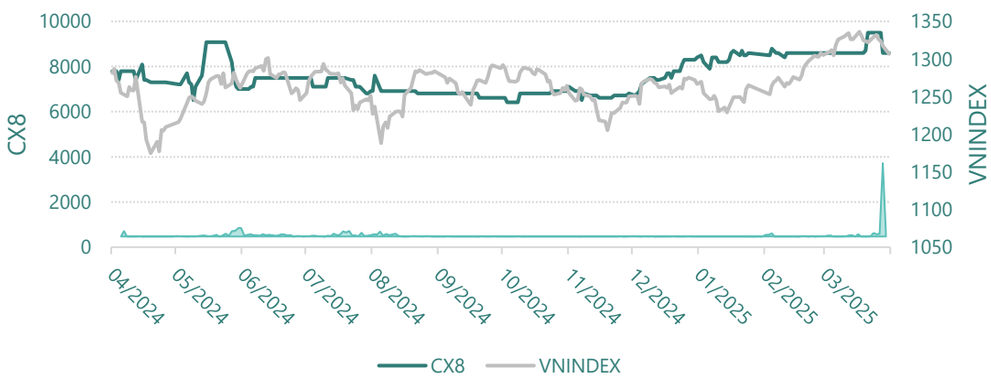
LN sau thuế
2024
0.52
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.20| 65.2%

Cơ cấu sở hữu

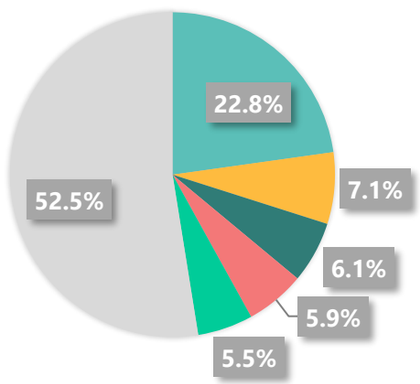


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

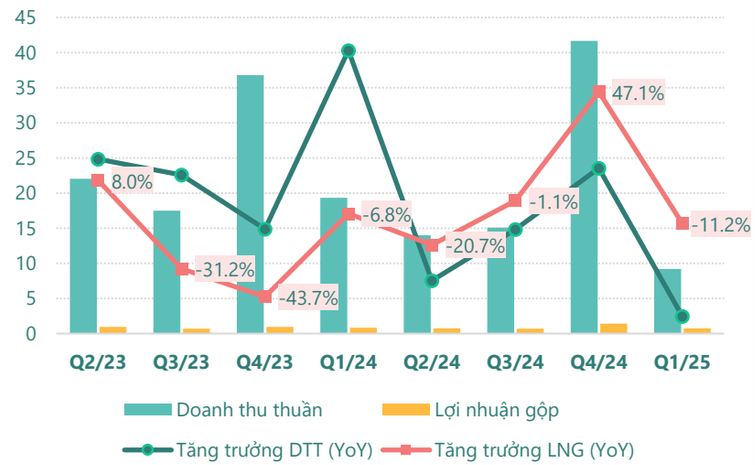


- Vũ Đức Tiến (Chủ tịch HĐQT)
- Vũ Tường Vy (Thành viên HĐQT)
- Trần Bá Hùng
- Quách Bích Việt
- Vũ Duy Hậu (Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

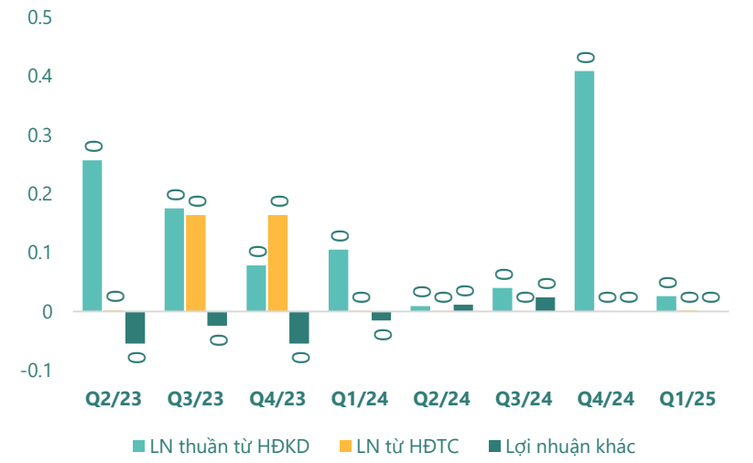
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



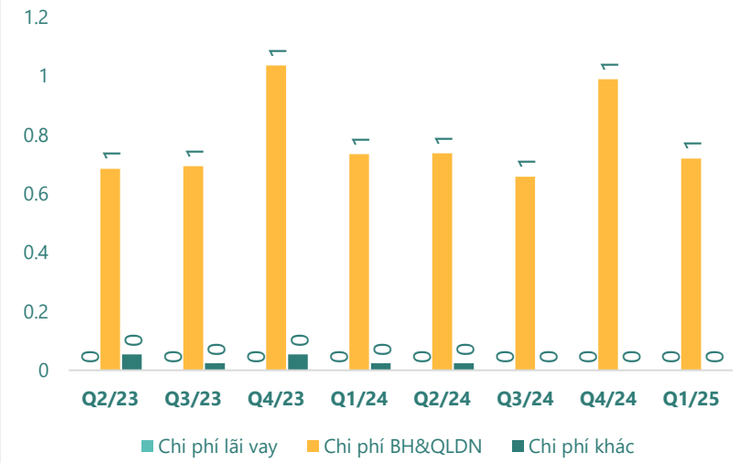
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



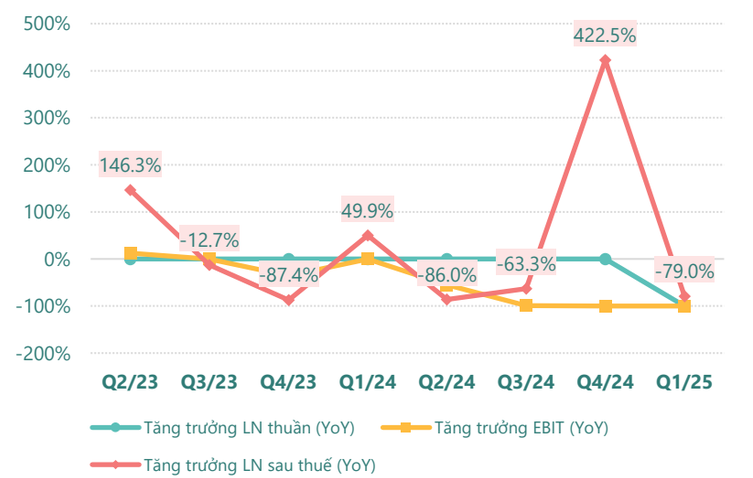
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



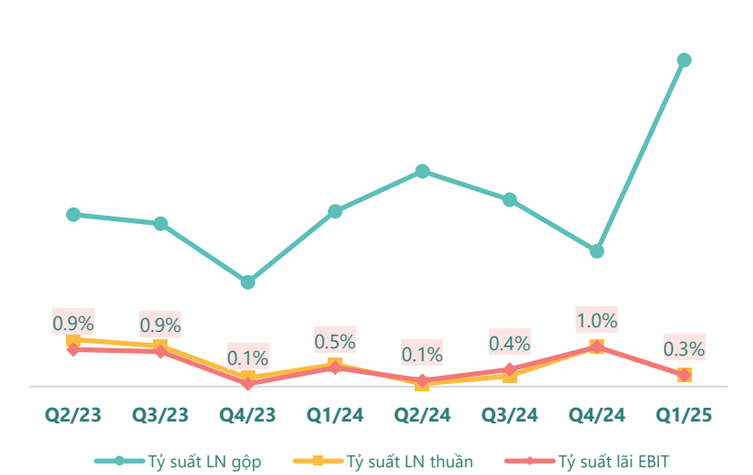
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



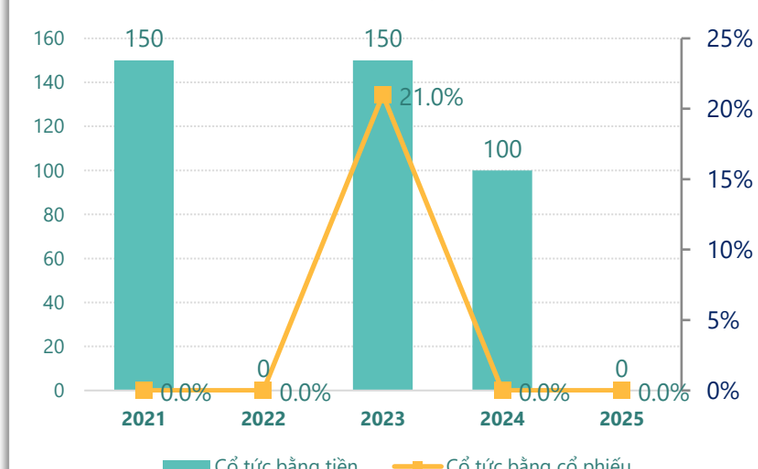
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

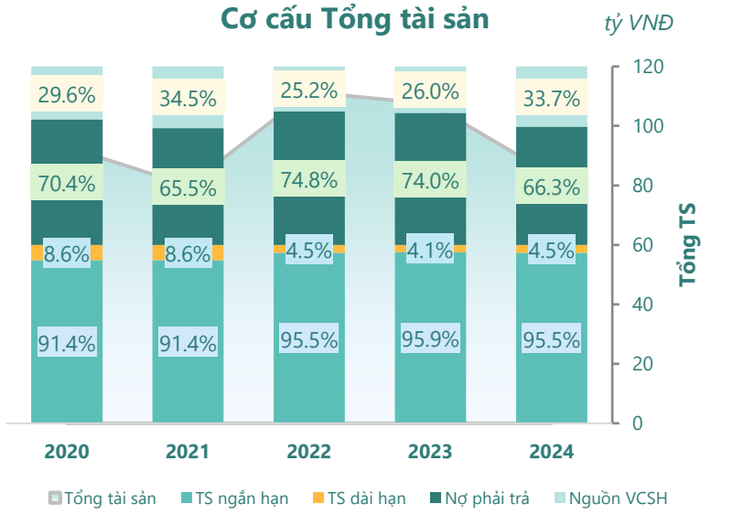
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

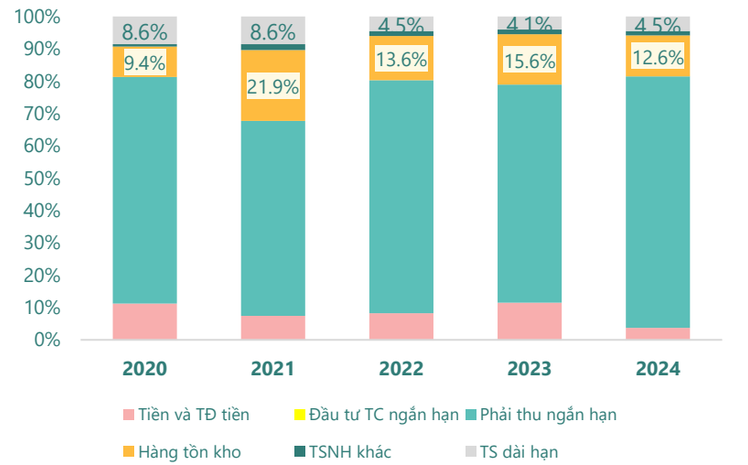
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



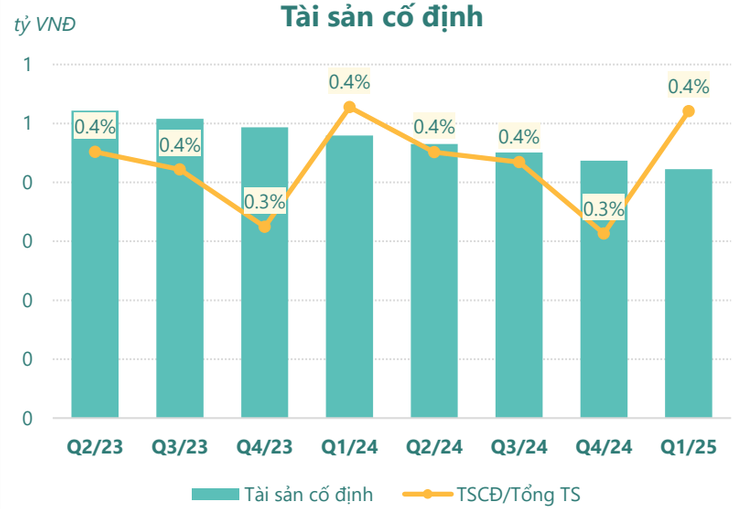
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



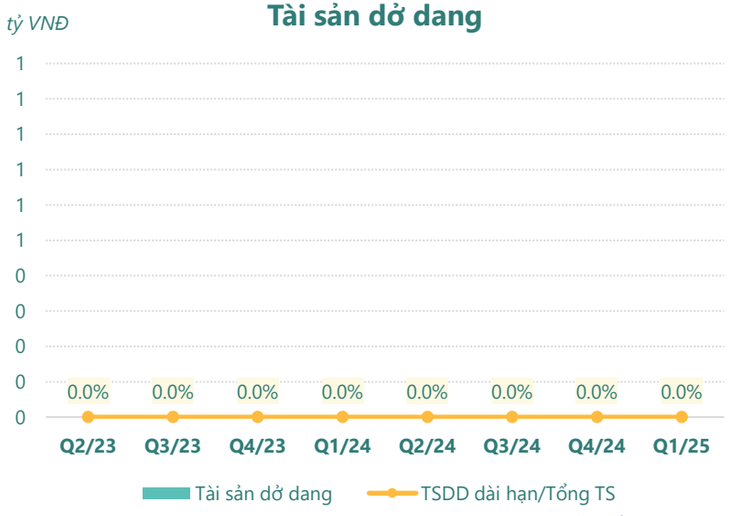
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



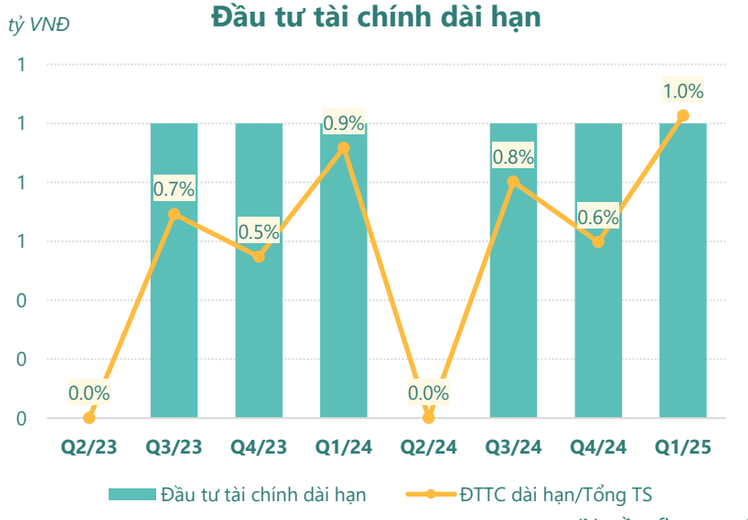
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



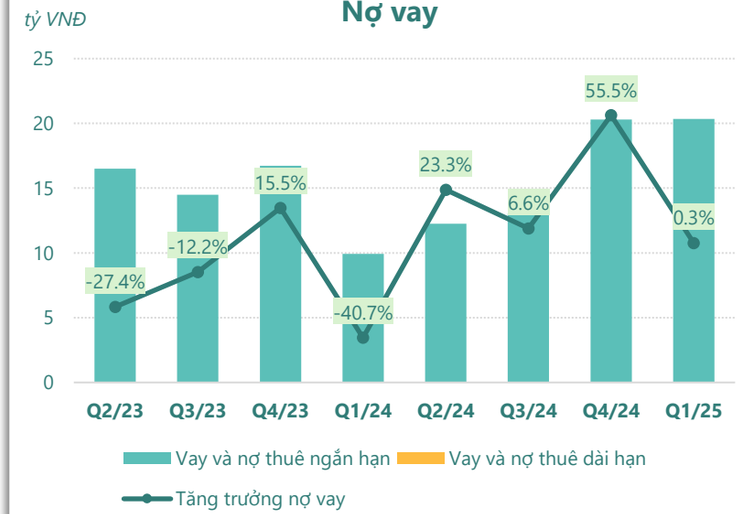
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

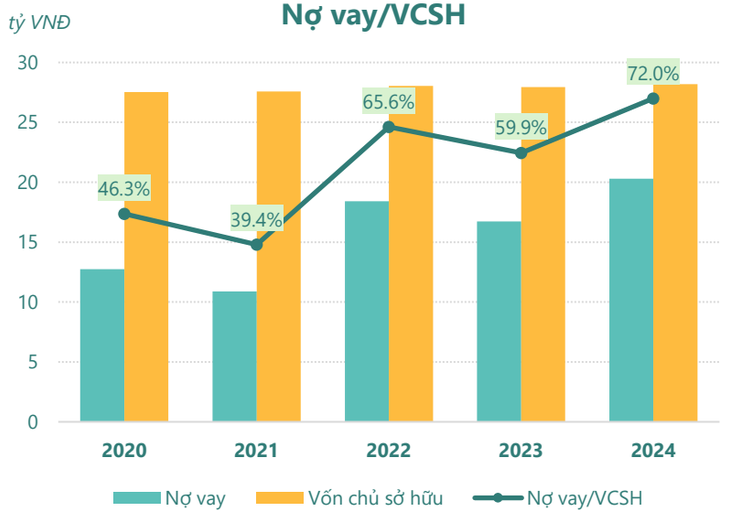
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

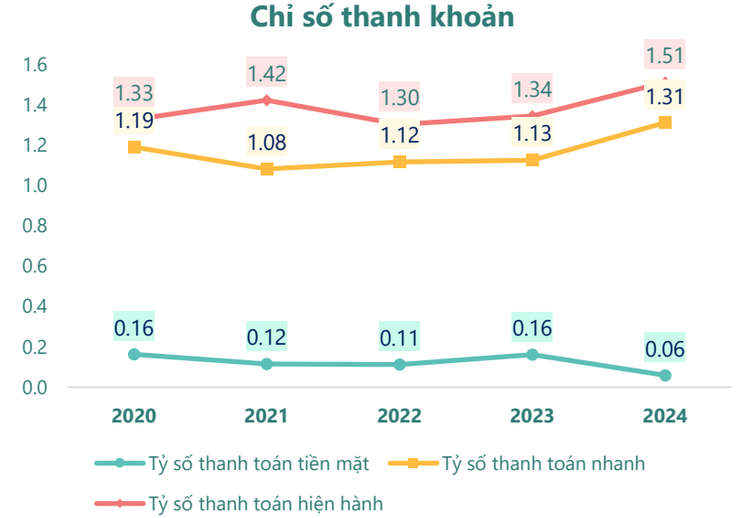
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



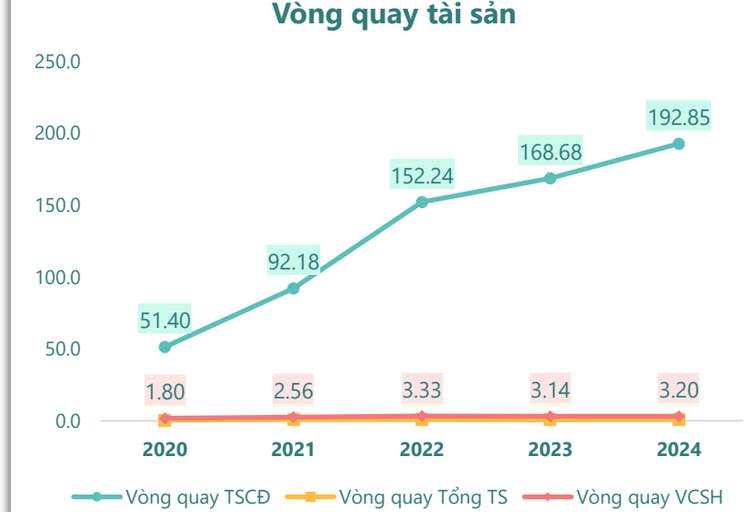
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



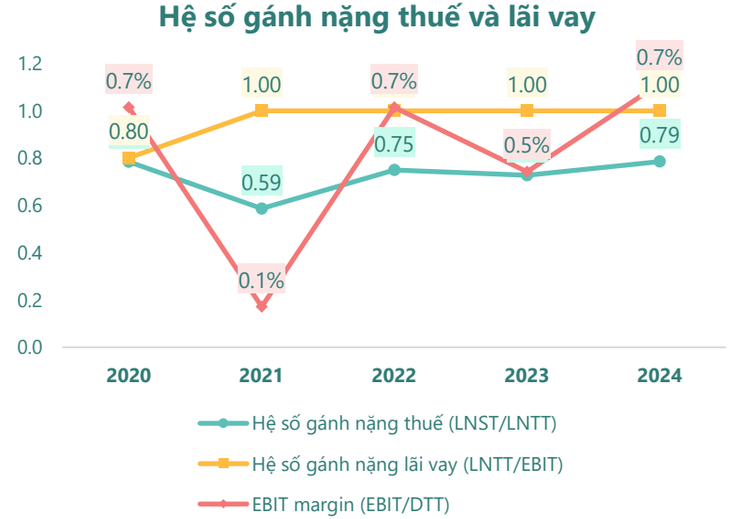
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



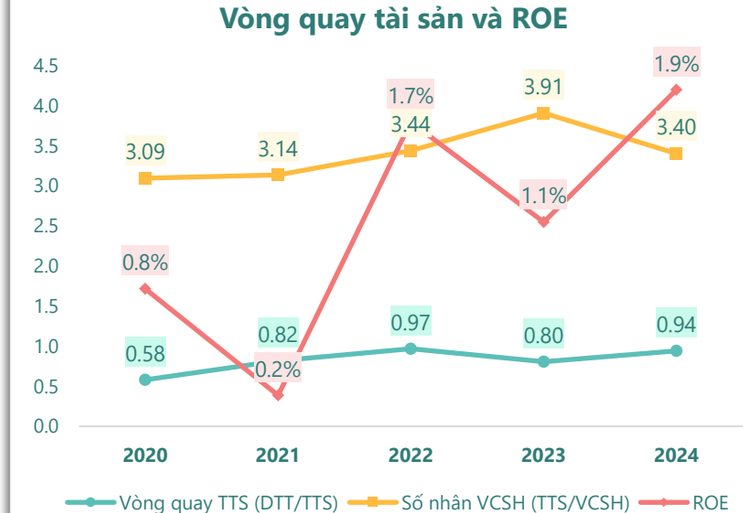
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



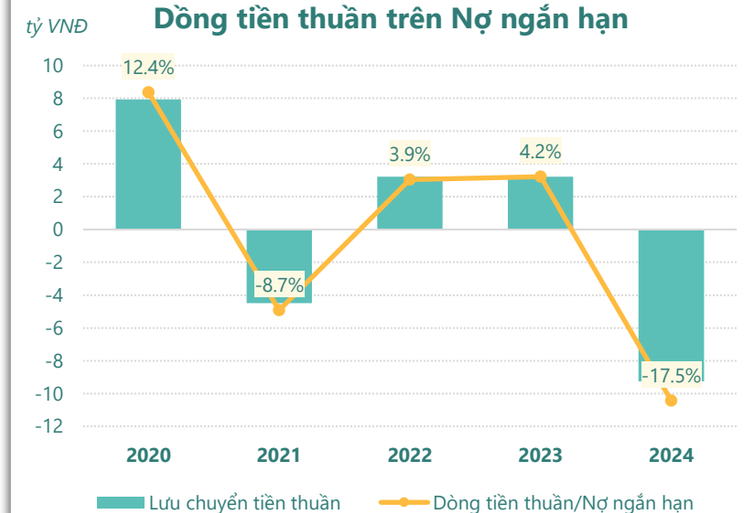
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**9.20**	**19.3**	**-52.3%**	**89.7**	**88.0**	**1.9%**
Giá vốn hàng bán	8.45	18.5	-54.3%	85.9	84.5	1.7%
Lợi nhuận gộp	0.74	0.84	-11.3%	3.76	3.51	7.1%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.26	-98.6%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.72**	**0.73**	**-1.3%**	**3.12**	**3.19**	**-2.0%**
LN thuần từ HĐKD	0.03	0.11	-76.3%	0.65	0.59	8.9%
Lợi nhuận khác	**0**	**-0.02**	**100%**	**0.02**	**-0.16**	**113%**
LN trước thuế	0.03	0.09	-71.1%	0.67	0.44	53.0%
Lợi nhuận sau thuế	**0.02**	**0.07**	**-70.2%**	**0.52**	**0.32**	**65.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.02**	**0.07**	**-70.2%**	**0.52**	**0.32**	**65.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.00	-4.63	-2.83	2.90	7.61	2.64
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	4.00	-3.90	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.65	-7.26	2.76	-2.73	-5.16	-5.26
Tiền đầu kỳ	1.00	8.36	0.47	0.49	0.67	3.11
Lưu chuyển tiền thuần	**7.36**	**-7.89**	**-3.98**	**0.17**	**2.45**	**-2.61**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.36	0.47	0.49	0.67	3.11	0.50

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**97.4**	**83.5**	**16.6%**
Tài sản ngắn hạn	92.8	79.8	16.3%
Tiền và tương đương tiền	0.50	3.11	-84.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	83.5	65.0	28.6%
Hàng tồn kho	7.52	10.6	-28.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.30	1.16	11.9%
Tài sản dài hạn	**4.59**	**3.74**	**22.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.42	0.44	-3.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.00	0	
Tài sản dài hạn khác	**3.17**	**3.30**	**-4.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	69.2	55.3	25.0%
Nợ ngắn hạn	**66.7**	**52.8**	**26.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.4	20.3	0.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.13	0.13	0.0%
Nợ dài hạn	2.48	2.56	-3.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**28.2**	**28.2**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**28.2**	**28.2**	**0.1%**
Vốn điều lệ	26.7	26.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)